

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EA KAR  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2024/DS-ST.  
Ngày 23 tháng 7 năm 2024.  
“V/v kiện đòi tài sản”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Nik Êban, ông Lê Khắc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 33/2024/TLST - DS, ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc “Kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30a/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐST-DS ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện EaKar, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng T.

Trú tại: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

\* Bị đơn: Bà Châu Thị G (tên thường gọi Châu Thị L) (Có mặt), ông Trần Tứ (Vắng mặt). Nơi cư trú: Thôn F, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Nguyễn Trọng T.

Cùng nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Tại đơn khởi kiện ngày 09/01/2024, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T trình bày:

Vào ngày 07/3/2013 (AL) ông T có cho ông Trần T1 và bà Châu Thị L vay với số tiền 21.800.000 đồng. Các bên có lập giấy tờ vay, thỏa thuận thời gian trả là ngày 07/4/2013, lãi suất không ghi trong giấy vay nhưng có thỏa thuận là 1,5%/tháng. Ông T1, bà L có đưa cho ông T cầm làm tin 01 giấy đăng ký xe mang biển số 47L5 - 7184 mang tên Trần Tứ.

Sau khi vay thì ông T1, bà L chưa trả cho ông T được khoản tiền lãi khoản tiền gốc mặc dù ông T đã đòi ông T1, bà L nhiều lần.

Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu ông T1, bà L phải trả số tiền vay gốc là 21.800.000 đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất 1,5%/tháng, tính từ ngày 07/3/2013 đến ngày khởi kiện 07/01/2024 là 42.510.000 đồng. Ngày 23/5/2024 ông T đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi 42.510.000 đồng, chỉ yêu cầu ông T1, bà L trả khoản tiền gốc là 21.800.000 đồng.

Đối với 01 giấy đăng ký xe mang biển số 47L5 - 7184 mang tên Trần T1 thì ông T đồng ý trả lại cho ông T1, bà L.

**\* Tại bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn ông bà Châu Thị G trình bày:**

Bà G (L) có mối quan hệ là vợ của ông T1, do ông T1 đang đi làm việc ở xa không thể tham gia làm việc tại tòa án. Sau khi bà G (L) nhận được thông báo thụ lý vụ án số 33/2024, ngày 16/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, bà L đã thông báo cho ông T1 biết, ông T1 cũng nắm rõ được nội dung yêu cầu khởi kiện của ông T, ông T1 thống nhất với nội dung của bà L trình bày. Ý kiến của ông T1 cũng giống ý kiến của bà G (L). Do đó bà yêu cầu Tòa án căn cứ lời khai để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án thay cho ông lời khai của T1.

Vào khoảng năm 2009 bà và ông T1 có vay của ông T số tiền 5.000.000đồng, các bên có lập giấy tờ vay, lãi suất ông T tính 40.000 đồng/ triệu/tháng. Hiện đối với số tiền này bà và ông T1 đã trả được cho ông T cả lãi và gốc là 4.500.000 đồng, bà yêu cầu ông T trừ gốc và lãi cho cụ thể nhưng ông T không trừ, nên hiện bà và ông T1 còn nợ bao nhiêu gốc, bao nhiêu lãi thì không rõ, nhưng theo như bà G (L) thì còn khoảng 1.500.000 đồng tiền nợ gốc. Toàn bộ chứng từ vay tiền do ông T là người cầm nên không có chứng cứ cung cấp cho Tòa án.

Vào ngày 07/3/2013 ông T thuê xã hội đen vào gia đình nhà bà để đòi nợ và yêu cầu ký vào giấy nợ với số tiền 21.800.000 đồng. Vì ông T hù dọa, quá lo sợ về sức khỏe của bản thân nên ông bà phải ký vào giấy vay nợ 21.800.000đồng, chữ ký trong giấy vay đúng là chữ ký của ông bà và cho rằng nguồn gốc số tiền 21.800.000 đồng này là ông T tính của số lãi tiền lãi 5.000.000 đồng vay của năm 2009. Sự việc ông T hù dọa, ép ký giấy tờ thì không có chứng cứ cung cấp cho Tòa án.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu ông T1, bà L trả số tiền nợ gốc 21.800.000 đồng thì bà đồng ý trả số tiền này. Yêu cầu ông T trả 01 giấy đăng ký xe mang biển số 47L5 - 7184 mang tên Trần T1

**- Bị đơn ông Trần T1:** đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có bản tự khai và trình bày lời khai theo yêu cầu của Tòa án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện EaKar đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông T và ông T1 vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được, tại phiên tòa các bên đã thống nhất được với nhau về số tiền nợ là 21.800.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn ông T1 vắng mặt nên không hòa giải thành được. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử vụ án theo quy định.

Tại phiên tòa bà G (L) đồng ý trả cho ông T1 số tiền nợ là 21.800.000 đồng và ông T đồng ý trả cho bà G (L) và ông T1 01 giấy đăng ký xe mang biển số 47L5 - 7184 mang tên Trần Tứ .

\* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Bị đơn ông T1 được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Do đó, đề Nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn ông T1.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 166 BLDS xác định quan hệ tranh chấp là kiện đòi tài sản. Tại phiên tòa bà G (L) đồng ý trả cho ông T1 số tiền nợ là 21.800.000 đồng và ông T đồng ý trả cho bà G (L) và ông T1 01 giấy đăng ký xe mang biển số 47L5 - 7184 mang tên Trần Tứ do ông T1 vắng mặt nên không hòa giải thành được . Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Trọng T. Buộc bị đơn ông Trần T1, bà Châu Thị G (L) phải trả cho ông T1 số tiền nợ 21.800.000 đồng.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Ông Nguyễn Trọng T khởi kiện yêu cầu ông Trần T1, bà Châu Thị G (L) phải trả số nợ là **21.800.000 đồng** và yêu cầu tính lãi suất với số tiền 42.510.000 đồng. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đòi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất chỉ yêu cầu Tòa án xem xét buộc bị đơn phải trả số tiền còn nợ là 21.800.000 đồng. Do đó HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) xác định lại quan hệ tranh chấp là “Kiện đòi tài sản”. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện E, căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn ông Trần T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 23/5/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T2 có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218 và khoản 2 Điều 219: Đình chỉ một phần yêu cầu của ông T2 là phù hợp.

**[2] Về nội dung:** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ là 21.800.000 đồng HĐXX xét thấy:

Tại phiên tòa bị đơn bà Châu Thị G (L) thừa nhận vào ngày 07/3/2013 âm lịch ông Nguyễn Trọng T có lập 01 giấy vay tiền với nội dung, ông T1, bà L có vay của ông T số tiền là 21.800.000 đồng, chữ viết, chữ ký tại mục “bên vay tiền” là của bà Châu Thị L và ông Trần Tứ . Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 BLTTDS, đây là những tình tiết chứng cứ đã được các bên đương sự thừa nhận, có thật không phải chứng minh.

Tại phiên Tòa bà Châu Thị G (L) đồng ý trả số tiền 21.800.000 đồng cho ông Nguyễn Trọng T và ông T phải có trách nhiệm trả cho bà G (L) và ông T1 01 giấy đăng ký xe mang biển số 47L5 - 7184 mang tên Trần Tứ . Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên cần chấp nhận. Tuy nhiên bị đơn ông T1 vắng mặt nên thỏa thuận không thành. Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, tài liệu chứng cứ. HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T buộc bà Châu Thị G (L) và ông Trần T1 phải có trách nhiệm trả cho ông T số tiền là 21.800.000 đồng. Buộc ông T phải trả cho bà G (L) và ông T1 01 giấy đăng ký xe mang biển số 47L5 - 7184 mang tên Trần T1 (giấy gốc).

**[3] Về án phí:** Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Trần T1, bà Châu Thị G phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật (*theo mức tính 21.800.000 đồng x 5%*).

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217; Điều 218, khoản 2 Điều 219, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T.

Buộc ông Trần T1, bà Châu Thị G (L) phải trả cho ông Nguyễn Trọng T số tiền nợ là 21.800.000 đồng.

Buộc ông T phải trả cho bà G (L) và ông T1 01 giấy đăng ký xe mang biển số 47L5 - 7184 mang tên Trần T1 (giấy gốc).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T về việc yêu cầu tính lãi suất với số tiền 42.510.000 đồng.

2. Về án phí: Ông Trần T1, bà Châu Thị G (L) phải chịu **1.090.000** đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Trọng T số tiền 1.607.750 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, biên lai thu số AA/2022/0004945, ngày 15 tháng 01 năm 2024.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Kar;
- THADS huyện Ea Kar;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**Nguyễn Minh Ngọc**